

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày 20-01-2022.

V/v tranh chấp thừa kế về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các Thẩm phán: Bà **Đương Thúy Hằng;**

Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông **Thái Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956; địa chỉ: số 7, hẻm số 6, đường số 14 Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; đã chết ngày 08- 4-2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K:

+ Chị Phan Thị Yến Tr, sinh năm 1977; địa chỉ ĐKKHTT: số 7, hẻm số 6, đường số 14 Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi ở hiện nay: số 240, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố Long Thành, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Phan Thị Yến Th, sinh năm 1980; địa chỉ: số 18, hẻm số 65, đường số 53 Điện Biên Phủ, tổ 8, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh **Phan Trường Giang**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 70, đường Nguyễn Bình Khiêm, khu phố 3, phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị Phan Thị Yến Th, anh Phan Trường Gilà: anh Diệp Văn Cường, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 56, Đường 12, Bờ Lờ, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 12-5-2021 và ngày 13-5-2021); có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 790, đường 786, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ 7, ấp Tầm Long, xã Trí Bình, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1956; có mặt.

+ Bà Đồng Thị Đ, sinh năm 1958; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1985; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1987; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 12, hẻm 52, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: số 794, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: chị Lý Nguyễn Phương Th, sinh năm 1980; địa chỉ: số 28, tổ 14, Đường An Dương Vương, khu phố Long Mỹ, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; Là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 09-12-2016); có mặt.

+ Bà Mai Thị I, sinh năm 1969; có mặt.

+ Anh Nguyễn Mai Châu Nh, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn HT, sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Mai Hồng D, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 792, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1966; có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1969; vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1998; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 2000; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số 786, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Huỳnh Văn O, sinh năm 1970;

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: số 850, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Bích A, sinh năm 1990;

+ Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: số 24, hẻm 52, đường 786, tổ 10, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1971; địa chỉ: số 1/35B, hẻm 20, Đường Phạm Văn Đồng, khu phố 3, phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc E, sinh năm 1968; địa chỉ: số 3/18C, hẻm 75, Đường Phạm Hùng, khu phố 3, phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1985; địa chỉ: số 12A, hẻm 34, Đường Lạc Long Quân, khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Anh Thái Viết Trường S, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: số 2/2, khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: số 3, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1970; có mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1990; vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Kim Pg, sinh năm 1993; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Đức Pn, sinh năm 1998; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số 790, đường 786, ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Ngân hàng N.

Đại diện: ông Hồ Văn Phối - Giám đốc.

+ **Quỹ Tín dụng nhân dân xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.**

Đại diện: ông Nguyễn Thành H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị K – nguyên đơn; bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Y - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Viện kiểm sát có kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-8-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09-11-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31-7-2017, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28-02-2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Diệp Văn Cg thống nhất trình bày:

Cha mẹ bà K là cụ ông Nguyễn Văn Tiết (chết năm 2002) và cụ bà Nguyễn Thị Dọn (chết năm 2009). Cụ V, cụ TD có 07 người con, gồm: ông Nguyễn Văn C; ông Nguyễn Văn Y; bà Nguyễn Thị K; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Đức Vũ; ông Nguyễn Văn Ph; ông Nguyễn Đức N. Ông Vũ chết năm 2013, có vợ là bà I Thị I và 03 người con: Nguyễn Mai Châu Th, Nguyễn HT và Nguyễn Mai Hồng D.

Khi còn sống, cụ V và cụ TD tạo lập được khối tài sản sau:

- Phần đất ruộng tại ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; đã chia cho ông Y, ông Vũ, ông Ph, ông C mỗi người khoảng 5.000 m²; còn lại 12.078,7 m², do cụ V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), hiện do ông N và ông Ph quản lý, sử dụng.

- Phần đất ở 8.816,6 m² tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Năm 2004, sau khi cụ V chết, cụ TD cùng ông C, bà P, ông Y, ông N, ông Ph, ông Vũ làm thủ tục nhận di sản thừa kế để mỗi người được hưởng 01 phần trong diện tích đất này. Quá trình sử dụng:

+ Bà P đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Lùn 152 m², thửa số 460, tờ bản đồ số 17; sau đó bà Lùn chuyển nhượng lại cho bà Ngọc; bà Ngọc chuyển nhượng cho bà Đ và bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ.

+ Ông Vũ chết, vợ và các con ông Vũ đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Thao và bà Nguyễn Thị Lắm diện tích 190 m², thửa số 461, tờ bản đồ số 17.

+ Cụ TD chuyển nhượng cho anh Thái Viết Trường Sơn diện tích 342 m², thửa số 142, tờ bản đồ số 43.

+ Ông N đã chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Y và chị Trương Thị Bích A diện tích 312 m², thửa số 708, tờ bản đồ số 16.

Bà K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ V và cụ TD để lại, cụ thể như sau:

+ Chia phần đất ruộng tại phường LTT thành 03 phần cho 03 người là bà K, ông N, bà P, mỗi người được hưởng 4.026,2 m², do trước đây 03 người chưa được cha mẹ chia đất.

+ Đối với đất tại xã TĐ, chia cho bà K diện tích 1.216,6 m²; trong đó có 190 m² đất giáp mặt tiền đường nhựa 786, thuộc thửa 345 và 1.026,6 m² đất thuộc thửa 709, do chia 02 thửa bất tiện nên bà K yêu cầu chia 1.026,6 m² tại thửa 709 (1.026,6 m² gồm thửa 709 và thửa 527).

Đồng thời, bà K yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ và GCNQSDĐ cấp cho ông Vũ.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cụ TD và GCNQSDĐ do cụ TD đứng tên.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ph và GCNQSDĐ do ông Ph đứng tên.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P và GCNQSDĐ do bà P đứng tên.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Y và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Y đứng tên.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà I Thị I với ông Huỳnh Văn Thao và bà Nguyễn Thị Lắm.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn TD với anh Thái Viết Trường Sơn.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và GCNQSDĐ do bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp đứng tên.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đức N, bà Phạm Thị B.
- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và GCNQSDĐ do Nguyễn Văn Tây và Trương Thị Bích Trâm đứng tên.

Bị đơn ông Nguyễn Đức N trình bày:

Ông là con của cụ V, cụ TD. Ông thống nhất với bà K về mối quan hệ huyết thống gia đình, về việc cha mẹ đã chia đất ruộng tại phường LTT cho ông Vũ, ông Y, ông C, mỗi người khoảng 5.000 m²; khối tài sản cha mẹ để lại trước khi chết là 12.078,7 m² đất ruộng và 8.516,6 m² đất ở; hiện đất ruộng ông đang quản lý, sử dụng 9.109,7 m²; ông Ph quản lý, sử dụng 2.969 m²; quá trình sử dụng đất tại xã TĐ, có chuyển nhượng cho người khác như bà K đã trình bày.

Ông không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:
ông là con của cụ V, cụ TD. Việc bà K khởi kiện chia di sản thừa kế không liên quan đến ông. Nếu Tòa án giải quyết chia tài sản cho ông thì ông không nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y trình bày:
ông là con của cụ V, cụ TD. Ông thống nhất với bà K về mối quan hệ huyết thống gia đình, tài sản do cha mẹ chết để lại. Hiện ông đang quản lý, sử dụng 190 m² đất thuộc diện tích 8.516,6 m² đất ở tại xã TĐ và đã được cấp GCNQSDĐ, trên đất có căn nhà của ông. Quá trình sử dụng, ông đã chuyển nhượng một phần diện tích đất ở tại xã TĐ cho người khác. Ông thừa nhận có được cha mẹ chia cho khoảng 5.000 m² đất ruộng tại phường LTT và đã được cấp GCNQSDĐ năm 1993 và ông đang sản xuất phần đất này.

Ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất ở tại xã TĐ, còn phần đất ở phường LTT ông đồng ý chia cho bà K, bà P, ông Ph, ông N. Nếu ông được chia đất ruộng, ông nhường lại cho ông N. Nếu chia cho ông C mà ông C không nhận, ông yêu cầu Tòa án giao cho ông Nguyễn Đức N được hưởng. Nếu được chia phần đất mặt hậu tại phường LTT thì ông yêu cầu được nhận đất. Đối với phần đất có nghĩa địa, ông yêu cầu để lại sau này chôn cất người thân trong gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph trình bày: ông là con của cụ V, cụ TD. Ông thống nhất với bà K về mối quan hệ huyết thống gia đình, về di sản do cha mẹ chết để lại. Hiện ông đang quản lý, sử dụng các phần đất sau: 190 m² đất thuộc diện tích 8.516,6 m² tại xã TĐ, đã được cấp GCNQSDĐ, trên đất có căn nhà của ông; 2.969 m² đất ruộng tại phường LTT, trong khoảng 1.000 m² ông đào đất, lấp địa, đất này cha ông vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng 8.516,6 m² đất ở tại xã TĐ, có chuyển nhượng cho người khác như bà K trình bày. Ông không chấp nhận theo yêu cầu chia thừa kế của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà I Thị I trình bày: bà là vợ của Nguyễn Đức Vũ. Bà thống nhất với bà K về mối quan hệ huyết thống gia đình, tài sản do cha mẹ ông Vũ để lại; ông Vũ được cha mẹ cho 5.000 m² đất ruộng tại phường LTT và đã được cấp GCNQSDĐ năm 1993, hiện đang sản xuất. Trong diện tích đất ở tranh chấp tại xã TĐ, chồng bà - ông Vũ được tặng cho 190 m², đã được cấp GCNQSDĐ, sau đó do cần tiền chữa bệnh nên đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Thao để chữa bệnh. Ngoài ra, trước đây vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng lại 4.000 m² đất ruộng của ông C được cha mẹ chia tại xã LTT. Bà không chấp nhận theo yêu cầu chia thừa kế của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, do chị Lý Nguyễn Phương Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày: bà P là con của cụ V, cụ TD. Bà thống nhất với bà K về mối quan hệ huyết thống gia đình, tài sản do cha mẹ ông để lại, việc cụ TD và cụ V đã chia đất ruộng tại phường LTT cho ông Vũ, ông Y, ông C, ông Ph. Sau khi cụ V chết, bà P được cụ TD lập văn bản khai nhận thừa kế, chia cho ông Vũ, ông Ph, ông Y mỗi người được 05 m ngang đất, bà P được 04 m ngang đất giáp đường 786, thuộc diện tích 8.516,6 m² đất ở tại xã TĐ. Sau đó, bà P đã chuyển nhượng 04 m ngang đất này cho bà Lùn, bà Lùn cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Bà P yêu cầu chia thừa kế của cụ TD, cụ V theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lùn trình bày: năm 2013 - 2014, bà có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích 152 m², thuộc thửa số 460, tờ bản đồ số 17 tại ấp TTr, xã TĐ, giá 130.000.000 đồng. Sau đó, bà chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc với giá 135.000.000 đồng. Nếu phải chia diện tích đất này theo yêu cầu của bà K, bà yêu cầu bà P trả lại cho bà tiền nhận chuyển nhượng đất theo giá trị thực tế tại thời điểm xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc trình bày: năm 2014, chị có nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Nguyễn Thị Lùn phần đất 152 m² giá 100.000.000 đồng. Sau đó, chị chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, giá khoảng 120.000.000 đồng - 130.000.000 đồng, không nhớ cụ thể. Nếu phải chia diện tích đất này theo yêu cầu của bà K, bà yêu cầu bà trả lại cho bà tiền nhận chuyển nhượng đất theo giá trị thực tế tại thời điểm xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp trình bày: năm 2014, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc phần đất diện tích 152 m² giá 150.000.000 đồng và bà đã được cấp GCNQSDĐ. Nếu phải chia diện tích đất này theo yêu cầu của bà K, bà yêu cầu chị Ngọc trả lại cho bà tiền nhận chuyển nhượng đất theo giá trị thực tế tại thời điểm xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Thao trình bày: vào năm 2016, ông có nhận chuyển nhượng của bà I Thị I phần đất 190m², giá 210.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã được cấp GCNQSDĐ và xây 01 căn nhà tường cấp 4 vào năm 2016, chi phí 190.000.000 đồng. Nếu phải chia diện tích đất này theo yêu cầu của bà K, ông yêu cầu bà I trả lại cho ông tiền nhận chuyển nhượng đất và căn nhà theo giá trị thực tế tại thời điểm xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Viết Trường Sơn trình bày: năm 2004, anh có nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn TD 01 phần đất 342 m², thửa số 142, tờ bản đồ số 43, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, không nhớ giá bao nhiêu. Đến nay anh đã được cấp GCNQSDĐ. Nếu phải chia thừa kế đối với diện tích đất này theo yêu cầu của bà K thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B trình bày: bà là vợ ông N, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông N.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng Giao dịch Chợ Mới Tây Ninh là ông Hồ Văn Phối trình bày: ngày 06-10-2017, ông Nguyễn Đức N vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng Giao dịch Chợ Mới Tây Ninh 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 06-10-2020. Đến ngày 18-3-2020, ông N đã trả tất nợ. Ngày 20-3-2020, ông N vay lại 150.000.000 đồng, hạn trả ngày 20-3-2025. Ông N có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02084/3793/2006 với diện tích 2.616,1 m², tại thửa số 61, tờ bản đồ số 43, do Ủy ban nhân huyện CT, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông N ngày 19-10-2006. Phòng Giao dịch không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Khi nào ông N trả tất nợ gốc và tiền lãi thì Phòng Giao dịch sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ Tín dụng nhân dân xã TB ông Nguyễn Thành Hải trình bày: ngày 09-10-2019,

ông Nguyễn Văn Ph có vay Quỹ tín dụng nhân dân xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 30.000.000 đồng, hạn trả ngày 09-11-2020. Ông Ph có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02093QSDĐ/2052/2004 với diện tích 190 m², tại thửa số 141, tờ bản đồ số 43, do Ủy ban nhân huyện CT, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Ph ngày 02-7-2004. Quỹ tín dụng không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Khi nào ông Ph trả tất nợ gốc và tiền lãi thì Quỹ tín dụng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Bích A và anh Nguyễn Văn Ytrinh bày: năm 2015, vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông N phần đất diện tích 312 m², giá 70.000.000 đồng, đã được cấp GCNQSDĐ. Nếu phải chia thừa kế đối với diện tích đất này theo yêu cầu của bà K thì vợ chồng anh chị yêu cầu ông N, bà Sám trả lại cho vợ chồng chị giá trị đất là 300.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với ông Nguyễn Đức N về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Ông N có nghĩa vụ giao lại cho bà K 85.812.000 đồng.
- Ông Y có nghĩa vụ giao lại cho bà K 62.521.000 đồng.
- Bà I có nghĩa vụ giao lại cho bà K 39.146.000 đồng.
- Ông Ph có nghĩa vụ giao lại cho ông C **151.591.000 đồng**.
- Bà P có nghĩa vụ giao lại cho ông C 12.521.000 đồng.
- Bà I có nghĩa vụ giao lại cho ông C 23.375.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị K về việc bà yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn V với cụ Nguyễn TD, ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đức Vũ, ông Nguyễn Văn Ph; giữa cụ TD với anh Thái Viết Trường Sơn, ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B; giữa bà Nguyễn Thị P với bà Nguyễn Thị Lùn; giữa bà Nguyễn Thị Lùn với chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc; giữa chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc với bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp; giữa bà I Thị I với ông Huỳnh Văn Thao và bà Nguyễn Thị Lắm; giữa ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B với anh Nguyễn Văn Y và chị Trương Thị Bích A và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người này.

2.1. Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.591,5 m² (trong đó có 100 m² đất ở), tại thửa số 621, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 2.396,5 m², tại thửa số 709, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 1.774,4 m², tại thửa số 989 (tách từ thửa 527), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị B có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây hàng năm khác (hiện nay là đất nghĩa địa gia tộc) có diện tích 378,2 m², tại thửa số 988 (tách từ thửa 527), tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.5. Ông Nguyễn Đức N có quyền sử dụng 01 phần đất chuyên trồng lúa nước có diện tích 9.109,7 m², tại các thửa số: từ 158 đến 163, từ 186 đến 195, từ 233 đến 235, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

2.6. Ông Nguyễn Văn Ph có quyền sử dụng 01 phần đất chuyên trồng lúa nước có diện tích 2.969 m², tại các thửa số: 276, 277, 279, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

2.7. Ông Nguyễn Văn Ph có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 190 m², tại thửa số 626 (thửa cũ 141, tờ bản đồ số 43), tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.8. Ông Nguyễn Văn Y có quyền sử dụng 01 phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 190 m², tại thửa số 622, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.9. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp có quyền sử dụng 01 phần đất diện tích 152 m², tại thửa số 623, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.10. Ông Huỳnh Văn Thao và bà Nguyễn Thị Lắm có quyền sử dụng phần đất diện tích 190 m², tại thửa số 624 (thửa cũ 461, tờ bản đồ số 17), tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.11. Anh Thái Viết Trường Sơn có quyền sử dụng phần đất diện tích 342 m², tại thửa số 625, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.12. Anh Nguyễn Văn Y và chị Trương Thị Bích A có quyền sử dụng phần đất diện tích 312 m², tại thửa số 708, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

3. Cây trái trên đất của ai người đó hưởng. Riêng các cây dầu, sao, xà cừ của ông Y trồng trên đất của ông N, hai ông không yêu cầu giải quyết mà để hai ông tự thỏa thuận giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Nội dung kháng cáo:

- Ngày 21-10-2020, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Y kháng cáo, yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 26-10-2020, ông Nguyễn Văn Ph kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng xác định 190 m² đất thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 43, tại xã TĐ và 2.969 m² đất ruộng, thuộc các thửa số 276, 277, 279 tại phường LTT là tài sản riêng của ông được cha mẹ chia, không còn là di sản thừa kế của cụ V, cụ TD.

Nội dung kháng nghị: Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23-10-2020, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, thể hiện:

+ Diện tích 12.078,7 m² đất ruộng là di sản thừa kế của cụ V, cụ TD chưa định đoạt nên phải được chia theo pháp luật thành 07 kỷ phần cho 07 người con của hai cụ.

+ Đối diện tích 378,2 m² đất mồ mả tại xã TĐ, các đương sự thống nhất trừ ra để làm nghĩa trang gia tộc nhưng cấp sơ thẩm vẫn chia đôi với phần đất này là không đúng.

+ Sau khi cụ V chết, ½ diện tích đất 8.516,6 m² tại xã TĐ là di sản của cụ V chưa định đoạt nhưng cụ TD đã tặng cho, chuyển nhượng người khác hơn ½ giá trị của phần đất là vượt quá phần cụ TD được định đoạt nên vô hiệu phần vượt quá.

Do đó, kháng nghị yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng phân chia lại di sản thừa kế và tính lại án phí sơ thẩm.

Ngày 21-12-2020, bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu định giá lại 02 phần đất tranh chấp. Tòa án cấp phúc thẩm đã định giá lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K, gồm chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th, anh Phan Trường Gi quyền sử dụng các phần đất sau:

+ Phần đất ruộng 1.600 m² có cận hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất 1.774,4 m², thuộc thửa số 527, tờ bản đồ số 16, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh sau khi đã trừ phần diện tích đất mồ mả.

- Chia cho bà Nguyễn Thị P quyền sử dụng các phần đất sau:

+ Phần đất ruộng 2.000 m² có cận hướng Đông giáp ruộng nước, cận hướng Nam giáp thửa 256, 257, 259; tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất 152 m², thuộc thửa số 460, tờ bản đồ số 17, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P đối với bà Nguyễn Thị Lùn, bà Lùn chuyển nhượng cho chị Lê Thị Hồng Ngọc, chị Ngọc chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp nên công nhận các hợp đồng chuyển nhượng này.

- Chia cho ông Nguyễn Văn Ph được quyền sử dụng các phần đất sau:

+ Phần đất ruộng 2.969 m², thuộc các thửa số 276, 277, 279, tờ bản đồ số 26, tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất 190 m², thuộc thửa số 141, tờ bản đồ số 43, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- Chia cho người thừa kế của ông Nguyễn Đức Vũ là bà I Thị I, quyền sử dụng 190 m² đất, thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 17 tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà I Thị I và ông Huỳnh Văn Thao, bà Nguyễn Thị Lắm đối với phần đất này.

- Chia cho ông Nguyễn Văn Y phần đất 190 m², thuộc thửa 145, tờ bản đồ 43, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- Chia cho ông Nguyễn Đức N quyền sử dụng các phần đất sau:

+ Phần đất 2.591,5 m², thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 4, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

+ Phần đất 2.708,5 m² tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông N và anh Nguyễn Văn Tây, chị Trương Thị Bích A đối với diện tích đất 312 m², thửa số 708, tờ bản đồ số 16 tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Diện tích đất còn lại ông N được quyền sử dụng là 2.396,5 m² thuộc thửa số 709, tờ bản đồ số 16 tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất ruộng 5.500 m² còn lại có cận hướng Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị K tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn TD và anh Thái Viết Trường Sơn đối với diện tích đất 342 m², thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 43, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- Các đương sự không yêu cầu chia đôi với phần đất 378,2 m² thuộc thửa số 527, tờ bản đồ 16; tọa lạc tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh hiện là nghĩa địa gia tộc.

- Không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch cho nhau.

- Không tranh chấp đối với tài sản trên đất, tài sản và cây trồng trên đất của ai được chia thì người đó được hưởng.

- Về án phí, chi phí tố tụng: yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề có trong vụ án. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

[2] Theo thỏa thuận, giá trị tài sản các đương sự được chia:

Những người thừa kế của bà K: 83,969,600 đồng đất ruộng + 1.776.174.400 đồng giá trị 1.774,4 m² đất thuộc thửa 527 = 1.860.144.000 đồng.

Ông N: 289.154.565,7 đồng giá trị đất ruộng + 5.306.633.500 đồng giá trị đất mặt tiền giáp đường 586 + 2.398.896.500 đồng giá trị đất mặt hậu + 359.112.000 đồng giá trị đất chuyển nhượng cho anh Thao, chị Lắm = 8.353.796.566 đồng.

Bà P: 104,962,000 đồng giá trị đất ruộng + 391,704,000 đồng giá trị đất ở = 496,666,000 đồng.

Ông Ph: 155.816.089 đồng giá trị đất ruộng + 489.630.000 đồng giá trị đất ở = 645.446.089 đồng.

Người thừa kế của ông Vũ được chia: 489.630.000 đồng.

Ông Y được chia: 489.630.000 đồng.

[3] Chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản:

Ông N, bà P, ông Ph, ông Y, bà I mỗi người phải chịu 8.468.833 đồng; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K phải chịu 8.468.833 đồng.

Bà K và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K đã nộp 50.813.000 đồng. Ông N, bà P, ông Ph, ông Vũ và ông Y có nghĩa vụ hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K.

Ghi nhận bà K và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K đã nộp xong. Ông N, bà P, ông Ph, ông Vũ và ông Y có nghĩa vụ nộp trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K.

[4] Án phí: theo điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

- Bà P, ông Y là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ, phúc thẩm
- Án phí sơ thẩm: những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K, ông N, ông Ph, bà I phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm
- Án phí phúc thẩm: những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K, ông N và ông Ph mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K, gồm chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th, anh Phan Trường Gi được chia quyền sử dụng 02 phần đất:

+ Phần diện tích 1.600 m² đất ruộng, thuộc thửa chính lý 615 (hợp thửa 190, 191, 192, 193, 194, 195, 233, 234 (610, 611, 612, 613), tách 158, 189, 188, 235), tờ bản đồ số 26; tương ứng thửa đất số 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637 (tách 1641, 1642), tờ bản đồ 07, tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất diện tích 1.774,4 m², thuộc thửa số 527, tờ bản đồ số 16, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Bà Nguyễn Thị P được chia:

+ Phần đất ruộng diện tích 2.000 m², thuộc thửa chính lý 616 (hợp thửa 190, 191, 192, 193, 194, 195, 233, 234 (610, 611, 612, 613), tách 158, 189, 188, 235), tờ bản đồ số 26; tương ứng thửa đất số 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637 (tách 1641, 1642), tờ bản đồ 07, tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Phần đất 152 m², thuộc thửa số 460, tờ bản đồ số 17, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất này của các đương sự: Nguyễn Thị Phiến, Nguyễn Thị Lùn, Lê Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2.3. Ông Nguyễn Văn Ph được chia:

+ Phần đất diện tích 2.969 m², thuộc các thửa 276, 277, 279, tờ bản đồ số 26, tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất diện tích 190 m², trong đó có 78,8 m² thuộc quy hoạch lộ giới, còn lại 111,2 m², thuộc thửa số 626 (thửa cũ 141, tờ bản đồ số 43), tờ bản đồ số 17, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Chia cho những người thừa kế của ông Nguyễn Đức Vũ là bà I Thị I, quyền sử dụng 190 m² đất, thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 17 tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà I Thị I và ông Huỳnh Văn Thao, bà Nguyễn Thị Lắm đối với phần đất này.

2.5. Ông Nguyễn Văn Y được chia phần đất diện tích 190 m², trong đó có 83,1 m² đất thuộc quy hoạch lộ giới, còn lại 106,9 m², thuộc thửa số 622, tờ bản đồ số 17, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.6. Ông Nguyễn Đức N được chia:

+ Phần đất diện tích 2.591,5 m², trong đó có 123,3 m² đất thuộc quy hoạch lộ giới, thuộc thửa số 621, tờ bản đồ số 17, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất diện tích 2.396,5 m², thuộc thửa số 709, tờ bản đồ số 16, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh;

+ Phần đất diện tích 5.500 m², tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

2.7. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với phần đất diện tích 378,2 m² hiện là nghĩa địa gia tộc, thuộc thửa số 527, tờ bản đồ 16, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.8. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị dọn và anh Thái Viết Trường Sơn đối với phần đất diện tích 342 m², trong đó có 143,7 m² đất thuộc quy hoạch lộ giới, thuộc thửa số 625, tờ bản đồ số 17, tại: ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

2.9. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 312 m², thửa số 708, tờ bản đồ số 16, tại: ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh giữa ông Nguyễn Đức N và anh Nguyễn Văn Y và chị Trương Thị Bích A.

2.10. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu chia đối với phần đất 378,2 m² thuộc thửa 527, tờ bản đồ 16, tại ấp TTr, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh hiện là nghĩa địa gia tộc.

2.11. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với tài sản trên đất, tài sản và cây trồng trên đất của ai được chia thì người đó được sử dụng.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Đính kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng thửa đất và các trích đo chính lý bản đồ địa chính các phần đất được chia.

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: tổng cộng 50.813.000 đồng.

Ghi nhận những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K gồm chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th và anh Phan Trường Giã nộp xong.

Ông N, bà P, ông Ph, bà I và ông Y mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả 8.468.833 (tám triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi ba) đồng cho chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th và anh Phan Trường Giang.

4. Án phí sơ thẩm:

Chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th và anh Phan Trường Gi phải chịu 65.285.232 (sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng; trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị K đã nộp 12.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0002984 ngày 16-8-2016, số 0003388 ngày 23-11-2016 và số 0004401 ngày 14-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Tr, chị Thanh và anh Gicòn phải nộp tiếp 52.785.232 (năm mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng.

Ông Nguyễn Đức N phải chịu 116.353.797 (một trăm mười sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi bảy) đồng.

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 29.817.844 (hai mươi chín triệu, tám trăm mười bảy nghìn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng.

Bà I Thị I phải chịu 23.585.200 (hai mươi ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm) đồng.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Y.

Hoàn trả cho bà P 3.375.000 (ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004786 ngày 16-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K, gồm chị Phan Thị Yến Tr, chị Phan Thị Yến Th và anh Phan Trường Giphải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009291 ngày 26-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Ph đã nộp xong.

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị P.

Hoàn trả cho bà P 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009282 ngày 21-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

Hoàn trả cho ông Y 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009283 ngày 21-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên